

**Xy lanh nhỏ gọn**  
**ADVU-80- -A-P-A-S2**  
Số bộ phận: 156058

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 1 mm...400 mm                                                 |
| Ø pít tổng                                            | 80 mm                                                         |
| Đệm                                                   | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kỳ                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Đầu thanh piston                                      | Ren ngoài                                                     |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tổng<br>Cần piston                                        |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Các biến thể                                          | Ty pít tổng liền mạch                                         |
| Áp suất vận hành                                      | 0.08 MPA...1 MPA<br>0.8 bar...10 bar<br>11.6 psi...145 psi    |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -20 °C...80 °C                                                |
| Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối                  | 0.75 J                                                        |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 2827 N                                                        |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luồng | 2827 N                                                        |
| Kiểu gắn                                              | tùy ý:<br>với lỗ xuyên<br>với phụ kiện                        |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/8                                                          |
| Vít cố vật liệu                                       | Thép mạ kẽm                                                   |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Con dấu động vật liệu                                 | NBR<br>TPE-U (PU)                                             |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép hợp kim                                                  |
| Vật liệu vỏ xy lanh                                   | Hợp kim nhôm rèn                                              |